

Cấu trúc help và cách dùng giúp ghi trọn điểm số tiếng Anh

Chắc hẳn với bất kỳ người học tiếng Anh nào thì từ “help” mang nghĩa là giúp đỡ sẽ không còn xa lạ. Nhưng từ “help” kết hợp với nhiều từ khác để tạo thành các cấu trúc mang ý nghĩa khác nhau lại là một bài toán khó. Vì vậy, hôm nay sẽ đem đến cho bạn những chia sẻ hữu ích nhất về cấu trúc help, cùng tìm hiểu ngay sau đây nhé!

1. Cấu trúc help và cách dùng

Trong giao tiếp hay **luyện nghe tiếng Anh** mỗi ngày, có thể bạn đã chưa nhận ra sự khác biệt nhỏ trong cấu trúc. Nhưng thực tế, với mỗi cấu trúc help khác nhau, câu văn sẽ có một sắc thái ngữ nghĩa khác nhau. Hãy cùng phân tích chi tiết 3 cấu trúc help sau đây để tìm ra điểm khác biệt của chúng nhé.

Cấu trúc 1: Help mang nghĩa tự phục vụ.

Ở cấu trúc này, **chủ ngữ** sẽ tự giúp mình **thực hiện hành động được nhắc tới**.
Cấu trúc:

S + help + oneself somebody + to + something

Ví dụ:

- I **help myself** to my homework. (Tôi tự mình làm bài tập về nhà.)
- **Help yourself** to a cup of coffee. (Uống một ly cà phê.)

Cấu trúc 2: Help kết hợp với động từ nguyên mẫu hoặc động từ nguyên mẫu có to

Hai dạng cấu trúc help này đều được dùng để nói về việc giúp ai đó làm gì.

- **Với help + to V:** Cả người giúp và người được giúp cùng nhau thực hiện hành động
- **Với help + V:** Người giúp sẽ một mình làm hết công việc cho người được giúp
- Cấu trúc:

S + help + sb + V/ to V-inf...: giúp ai đó làm gì

Ví dụ:

- Linda **helped me tidy** my laptop. (Linda đã giúp tôi làm sạch máy tính.)
(Linda một mình làm hết.)
- My brother **helped me to find** the answer to this question. (Anh trai đã giúp tôi tìm ra câu trả lời cho câu hỏi này.) (Cả 2 người cùng tìm câu trả lời.)



Cấu trúc 3: Help trong câu bị động

Khi chuyển từ câu chủ động sang **câu bị động**, cấu trúc help được sử dụng như sau:

S + help + O + Vinf...

→ S + to be + helped + to Vinf +...+ (by O).

Ví dụ:

- Junny **helped us clean** this table. (Junny đã giúp chúng tôi lau bàn).
- We were **helped to clean** this table by Junny.** (Chúng tôi đã được giúp lau bàn bởi Junny).
- My elder sister usually **helps me solve** the difficult problem. (Chị gái thường xuyên giúp tôi giải quyết những vấn đề khó.)

→ I am usually **helped to solve** the difficult problem by my elder sister. (Tôi thường được giúp giải quyết các vấn đề khó bởi chị gái.)

Cấu trúc **can't help** trong tiếng Anh

Trong ngữ pháp tiếng Anh, còn có một cấu trúc **help** kết hợp với từ **can't** trước đó mang ý nghĩa hoàn toàn khác với những trường hợp trên. Vì vậy bạn học nhớ lưu ý tới dạng cấu trúc này để không gặp phải nhầm lẫn trong bài thi nhé.

Cấu trúc:

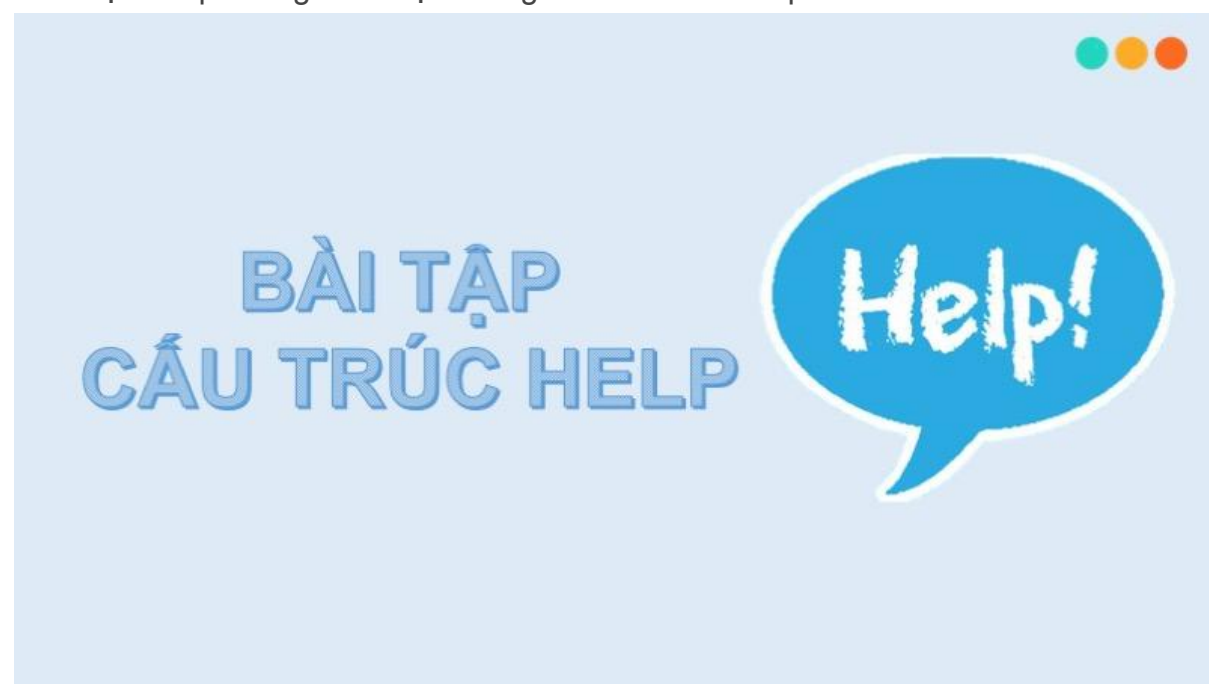
S + can't/couldn't help + doing something: không thể ngừng làm gì, không thể không làm điều gì.

Ví dụ:

- I **can't help being nervous** whenever I have tests. (Tôi **không ngừng lo lắng** mỗi khi tôi có các bài kiểm tra.)
- She **couldn't help laughing** after hearing his jokes. (Cô ấy **không thể ngừng cười** sau khi nghe chuyện hài của anh ta.)

2. Bài tập với cấu trúc **help**

Hãy cùng luyện tập một số bài tập về cấu trúc **help** ngay dưới đây. Đừng quên đối chiếu lại kết quả và ghi chú lại những lỗi sai mình mắc phải nhé.



Bài tập: Chia dạng đúng của các động từ trong ngoặc

1. Manh helped me _____ (repair) this TV and _____ (clean) the house.
2. My friend helps me (do) _____ all these difficult exercises.
3. You'll be helped (fix) _____ the fan tomorrow.
4. Mary is so sleepy. She can't help (fall) _____ in sleep.
5. "Thank you for helping me (finish) these projects." she said to us.
6. He's been (help) _____ himself to my dictionary.
7. Linda can't help (laugh) _____ at her little cat.
8. Your appearance can help (take) _____ away pain.
9. We can't help (think) _____ why he didn't tell the truth.
10. I helped him (find) _____ his things.
11. May you help me (wash) _____ these clothes ?
12. Please (help) _____ me across the street.

Đáp án

1. repair/to repair, clean
2. do/to do
3. to fix
4. falling
5. finish
6. helping
7. laughing
8. to take
9. thinking
10. find/to find
11. wash/to wash
12. help